

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: H68.../XNK-TCKT

An Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2021

(V/v giải trình lợi nhuận quý 3/2021 giảm so
với quý 3/2020)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong quý 3, Công ty đã đẩy mạnh bán hàng xuất khẩu, ký kết các hợp đồng mới và tăng sản lượng tiêu thụ cung ứng xuất khẩu đã làm cho doanh thu trên BCTC riêng quý 3/2021 Angimex tăng mạnh 688.433 triệu đồng, tương ứng 136,5% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 đã làm cho giá vốn tăng 147,5%, thu nhập khác cũng giảm mạnh đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 3.927 triệu đồng, giảm 76,4% so với cùng kỳ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, doanh thu Ngành lương thực tăng mạnh ở tất cả các mảng như xuất khẩu, gạo nội địa và cung ứng đã làm doanh thu hợp nhất quý 3/2021 tăng 149% so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 56,7%.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài và giãn cách xã hội làm Ngành xe gắn máy ngưng hoạt động 2,5 tháng trong quý 3, ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Ngành. Hoạt động các Công ty liên doanh liên kết không hiệu quả so cùng kỳ. Quý 3/2021 Công ty không có các khoản thu nhập khác so cùng kỳ... đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 4.437 triệu đồng, giảm 53,3% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC hợp nhất			
	Q3/2021	Q3/2020	Chênh lệch	%	Q3/2021	Q3/2020	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	1.192.882	504.449	688.433	136,5	1.296.689	520.841	775.848	149,0
Giá vốn hàng bán	1.154.442	466.362	688.080	147,5	1.229.797	478.158	751.640	157,2
Lợi nhuận gộp	38.440	38.087	353	0,9	66.892	42.684	24.208	56,7
Doanh thu hoạt động tài chính	3.832	2.617	1.215	46,4	4.124	2.490	1.634	65,6
Chi phí tài chính	3.418	4.123	(705)	(17,1)	5.782	4.123	1.659	40,2
<i>Trong đó: lãi vay</i>	<i>2.628</i>	<i>3.538</i>	<i>(910)</i>	<i>(25,7)</i>	<i>4.921</i>	<i>3.538</i>	<i>1.384</i>	<i>39,1</i>
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					0	909	(909)	(100,0)
Chi phí bán hàng	31.905	30.376	1.529	5,0	53.528	31.435	22.093	70,3
Chi phí quản lý DN	5.450	3.490	1.960	56,1	7.324	4.367	2.957	67,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.499	2.714	(1.216)	(44,8)	4.382	6.159	(1.776)	(28,8)
Lợi nhuận khác	19	3.712	(3.693)	(99,5)	803	3.798	(2.995)	(78,9)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.517	6.426	(4.909)	(76,4)	5.185	9.956	(4.772)	(47,9)
Thuế TNDN hiện hành	303	1.285	(982)	(76,4)	1.304	1.638	(334)	(20,4)
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-		-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.214	5.141	(3.927)	(76,4)	3.881	8.318	(4.437)	(53,3)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THANH BÀO

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT

Mã	BCTC hợp nhất		BCTC riêng		Chú thích
	2020	2019	2020	2019	
100	1.296.689	1.296.689	688.432	688.432	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ
101	438.178	438.178	688.080	688.080	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
102	42.054	42.054	332	332	Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính
103	2.990	2.990	1.214	1.214	Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính khác
104	4.123	4.123	4.123	4.123	Chi phí tài chính
105	1.384	1.384	1.384	1.384	Chi phí tài chính khác
106	0	0	0	0	Phần lãi lỗ trong Công ty
107	31.433	31.433	30.278	30.278	Chi phí bán hàng
108	4.367	4.367	1.900	1.900	Chi phí quản lý DN
109	6.159	6.159	2.714	2.714	Chi phí quản lý hoạt động kinh doanh
110	1.798	1.798	1.712	1.712	Chi phí quản lý khác
111	9.926	9.926	6.426	6.426	Tổng lợi nhuận trước thuế
112	1.636	1.636	1.585	1.585	Thuế TNDN hiện hành
113	8.318	8.318	4.841	4.841	Lợi nhuận sau thuế